

## LÃO, TỬ

### Thích

LÃO, theo chữ Phạn là “ma-ha-la”. Tất cả các hữu tình, nơi các hành của chúng sanh đồng phạm, đều có tánh đổi khác liên tục: các hành khởi sau, sai khác đối với thời gian trước, đến lúc say thoái, ám độn, căn thân chín muồi, biến hoại thì gọi là LÃO (già).

TỬ, chữ Phạn gọi là “mạt-lạt-nam”. Tất cả các hữu tình nơi sự di chuyển hư hoại của chúng sinh đồng phạm, đều đến lúc lui mất, phải lìa bỏ; thọ noãn thức diệt, mệnh căn chẳng chuyển, các uẩn bị phá hoại, thì gọi là TỬ (chết).

### Chú

Thành Duy-thức luận nói: Các vị suy biến gọi chung là LÃO. Thân hư, mạng dứt thì gọi là chung là TỬ. Lão chẳng nhất định phải có, nhưng phụ vào Tử là lập danh. Lại nói: Lão tuy chẳng định, nhưng ở cùng khắp nên lập Thành chi. Các giới thú sanh, trừ người chết yếu ra, hết thấy đều có tướng già suy, trước khi chết mất.

Tạp Tập Luận nói: Lão, Tử có hai loại nghiệp: Một là khiến cho thời phần của hữu tình biến đổi, vì sự hư hoại còn ít. Hai là khiến cho thọ mạng của hữu tình biến đổi, vì nói hoại thọ mạng.

Về Lão, Tử thì kinh Đại Bát-nhã chia làm: buồn, lo, khổ, than, sầu, già, chết. Kinh Pháp Hoa chia làm: buồn, khổ, xót, thương, lo lắng, già chết.

Câu Xá Luận nói: Thể của mạng-căn tức Thọ. Nó có công năng duy-trì Noãn (sức ấm) và Thức. Pháp nào gọi là Thọ? Có một pháp riêng, năng duy-trì noãn, thức gọi đó là Thọ. Bởi thế, đức Thế Tôn nói: Thọ, Noãn, cùng với Thức là ba pháp Lúc bỏ thân, thân bị bỏ cứng, ngã, như cây, không biết nghĩ.

Lại nói: Pháp nào gọi là Thể của Thọ? Nó là nghiệp đưa dẫn chúng sanh về ba cõi: khi nói đang trú trong vị thế đồng phạm, thì nó được gọi là thọ-thể. Tạp Tập Luận nói: mệnh-căn là nơi chúng đồng phạm, đã cảm nghiệp trước, nay đang khi trụ nghiệp đó có tính cách quyết định, nên giả lập là thọ mạng. Chúng đồng phạm là các uẩn nối tiếp nhau trong suốt một đời. Trú thời quyết định là thời gian đang trú, nghiệp đó khiến chúng đồng phạm thường được an trú, trải qua 100 năm, hoặc một ngàn năm do nghiệp dẫn có công năng sai khác.

### Thích

Mười hai pháp này xoay chuyển cảm quả, nhân duyên nối tiếp, giáp vòng rồi trở lại, không có bờ ngăn giữa, như luân-hồi chuyển là do vô-minh (tức là hoặc) của đời quá khứ cùng với Hành (tức nghiệp) làm Nhân, sanh ra năm quả Thức, Danh sắc, Lục xứ, Xúc, Thọ của Hoặc đời hiện tại thì cái Khổ (hiện tại) là một tầng nhân quả từ quá khứ đến hiện tại. Lại nói từ quả hiện tại, khởi Ái, Thủ (tức Hoặc) và Hữu (tức Nghiệp) là ba chi của Hoặc Nghiệp Thành Nhân hiện tại, sẽ cảm hai quả sanh, lão tử ở đời vị lai.

Vậy là cái khổ (ở vị lai) cũng là một tầng Nhân quả từ hiện tại đến vị lai. Hai tầng nhân

quả thông suốt ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Hoặc (tức Ái, Thủ) và Nghiệp (tức Hữu) hiện tại đã do quả khổ (Thức, Danh Sắc, Lục xứ, Xúc, Thọ) của hiện tại mà sanh, thì như vậy Hoặc và Nghiệp quá khứ tự chúng nó cũng là do quả khổ (sanh, lão, tử) của quá khứ mà sanh ra.

Quả khổ của hiện tại (Thức, Danh Sắc, Lục xứ, Xúc, Thọ) sanh Hoặc Nghiệp của hiện tại, thì quả Khổ của vị lai (sanh, lão, tử) tự chúng nói cũng sanh ra Hoặc Nghiệp của vị lai. Luận về phía trước, thì Hoặc Nghiệp quá khứ là từ quả khổ quá khứ mà đến. Suy về sau thì quả khổ vị lai, cũng do Hoặc Nghiệp vị lai mà sanh ra.

Do Nhân sanh Quả. Quả lại thành Duyên. Quá khứ không có chỗ bắt đầu, vị lai không có nơi chấm dứt. Ba chi vô minh, ái, thủ, là Hoặc làm Duyên, hai chi Hành, Hữu là Nghiệp làm Nhân. Bảy chi Thức, Danh Sắc, Lục xứ, Xúc, Thọ, Sanh, Lão-tử là khổ làm quả: sanh tử luân hồi, lưu chuyển chẳng ngừng. Nói chung, chẳng ra ngoài ba đường Hoặc, Nghiệp, Khổ. Đó là quán thuận tướng sanh. Còn gọi là Nhiễm duyên khởi. (Khởi là vì nhiễm Duyên, vì nhiễm Duyên nên bị lưu chuyển, trôi lăn trong vòng sanh tử). Ấy là pháp của phàm phu, thuộc môn lưu chuyển.

Chú

Câu Xá luận nói: Tụng rằng:

*Như vậy các duyên khởi,  
Mười hai chi, ba đời,  
Đời trước sau, mỗi hai,  
Giữa, tám xứ tròn đủ.*

Luận nói: Mười hai chi là: Vô-minh, Hành, Thức, Danh sắc, Lục xứ, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh. Lão-tử.

Nói ba đời là: Đời trước, đời sau, đời giữa. tức là đời quá khứ, đời vị lai và đời hiện tại. Sao gọi là mười chi, kiến lập nơi ba đời? Đó là: đời trước, đời sau, mỗi đời lập hai chi. Đời giữa lập Tám chi, nên thành mười hai: Vô-minh, Hành thuộc về đời trước. Sanh, lão-tử, thuộc đời sau. Còn lại tám chi tại đời giữa.

Tám chi này thì tất cả hữu tình trong một đời tuy không có đủ hết thảy nhưng trong ý của chúng sanh. Căn cứ vào sự viên mãn mà nói: Bố-đặc-già-la trải qua tất cả các vị gọi là viên-mãn. Lại nói: có khi chỉ nói hai phần duyên khởi: phần một thuộc đời trước, phần hai thuộc đời sau. Đời trước có bảy chi, từ Thọ đến Lão tử, vì Nhân quả trước sau đều thuộc hai phần này.

### **Thích**

Nếu tại Duyên-giác, ngộ được các pháp nhân duyên này thì Vô-minh diệt, sẽ đưa đến Hành diệt. Nếu Hành diệt thì kéo theo Thức diệt. Thức mà diệt thì Danh sắc diệt luôn. Danh sắc diệt tức Lục xứ diệt. Lục xứ diệt thì Xúc diệt. Xúc diệt tức Thọ diệt. Thọ diệt xong, Ái diệt theo. Do đó Thủ diệt và Hữu diệt. Hữu diệt ắt Sanh diệt. Sanh diệt thì không còn lão tử

nữa. Lúc ấy sẽ trở về Niết-bàn tịch diệt. Đó là: nếu hiểu vô-minh thì sanh tử tự dứt. Đó là quán nghịch tướng diệt, hay còn gọi là Tinh duyên khởi. Tức là pháp của duyên giác, hay Môn Hoàn Diệt.

### **Chú**

Môn Lưu chuyển là đối lại môn Hoàn diệt. Quán sanh, quán thuận thuộc môn Lưu chuyển. Quán sanh là quán duyên vô-minh sanh Hành. Duyên Hành sanh Thức... cho đến duyên Sanh sanh Lão-tử. Đó là tướng sanh khởi theo thứ lớp. Quán thuận là quán thuận theo sanh tử, quán hai chi Hành, Hữu của nghiệp hữu-lậu làm Nhân. Ba chi vô-minh: Ái, Thủ lãn Duyên; chiêu cảm tướng quả khổ của bảy chi, từ Thức... cho đến Lão- tử vậy.

Môn Lưu chuyển là cái vô không có chỗ bắt đầu chẳng đạt được lý tánh của bản giác, khởi Hoặc, tạo Nghiệp, cảm quả khổ của sanh tử, phải trôi lăn trong sáu đường của tam giới. Môn Hoàn diệt là: chúng sanh bị lưu chuyển chán khổ sanh tử tu tam học Giới, Định, Tuệ để trở về nơi Niết-bàn tịch diệt.

Quán diệt, quán nghịch thuộc về Hoàn diệt. Quán diệt là quán vô-minh diệt, ắt Hành diệt.. cho đến Sanh diệt và dẫn đến Lão-tử diệt. Đó là tướng hoại diệt theo thứ lớp vậy. Quán nghịch là: quá ngược lại Sanh tử, quán Chánh tuệ vô lậu làm Nhân, chánh Hành làm Duyên, chứng tướng của quả Niết-bàn.

### **Thích**

Bồ-tát dùng Quán tuệ Bát-nhã, chiếu rõ các pháp vô-minh... thể tánh đều không, không có tướng sanh diệt, nên nói là không có vô-minh, cũng không có hết vô-minh... cho đến không còn lão tử và cũng không có hết lão tử.. Nói “không có vô-minh” là cử tướng Không, chỗ bắt đầu lưu chuyển, Nói “không có hết vô-minh” là cử tướng Không, chỗ bắt đầu hoàn diệt. Nói “không có lão tử” là cử tướng Không, nơi cuối cùng của sự lưu chuyển. Nói “không có hết lão-tử” là cử tướng Không, nơi cuối cùng của sự hoàn diệt. “Cho đến” là lược bỏ mười chi ở khoảng giữa.

Nếu chỗ bắt đầu vì nơi cuối cùng là để tóm hết các chi trung gian vậy. Không có vô minh, không có Hành, không có Thức, không có Danh sắc, không có Lục xứ, không có Xúc, không có Thọ, không có Ái, không có Thủ, không có Hữu, không có Sanh, không có Lão-tử, đó là tướng Sanh. Hết vô-minh, hết Hành, hết Thức, hết Danh sắc, hết Lục xứ, hết Xúc, hết Thọ, hết Ái, hết Thủ, hết Hữu, hết Sanh, hết Lão-tử, đó là tướng diệt. Kinh nói: Không có vô-minh, cho đến không có lão-tử, không có hết vô-minh, cho đến không có hết lão tử vì muốn hiển bày bát-nhã chân không.

Đã không có tướng lưu chuyển, cũng không có tướng Hoàn-diệt, cho nên không có mười hai nhân duyên. Điều này chẳng những chỉ phá cái Thấy ngã chấp của chúng sanh mà cũng trừ cá bệnh chấp của Pháp của Nhị-thừa vậy.



## Mục Ba — TỬ ĐẾ

### VÔ KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO

#### **Thích**

Để cho hai nghĩa là Thấm và Thực. Thấm là xét đoán, nói về Trí. Bồ-tát có đại trí, xét đoán tường tận, không có hư vọng. Thực là sự thật, nói về Cảnh: Bồ-tát xét đoán nhân quả của các việc thế gian và xuất thế gian, quyết định điều chân thật. Nói tử Đế là KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO. Hai Đế trước là Nhân—Quả của thế gian, khiến biết Khổ nên chăm đoạn (dứt) Tập (hợp lại). Hai Đế sau là Nhân — Quả của xuất thế gian., khiến vị Diệt mà phải tu Đạo. Tập vì mê nơi Nhân, Khổ vì mới Quả. Đạo vì ngộ ở Nhân. Diệt vì Ngộ ở Quả. Sở dĩ trước nói Quả sau mới nói Nhân là vì Quả dễ thấy mà Nhân thì khó biết, cho nên trước phải bày tỏ cái Khổ khiến cho chán nó rồi sau mới xui sử dứt cái Nhân sanh ra nói. Lại chỉ cho thấy diệu-quả Niết bàn khiến vui theo để sau đó mới xui sử tu theo Đạo hưởng về đó. Vậy là nói pháp phương tiện để dẫn dụ Tiểu thừa và Người sơ-cơ, nhưng cái lý của nói thì thông với Đại-thừa, Tiểu thừa; tất cả Phập-pháp.

Tông Thiên-thai dựa vào điều nói trong kinh Niết-bàn lập ra bốn loại Tử Đế để phối hợp với bốn giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên. Điều nói trong bản kinh này, vì nêu rõ sự sanh diệt của Tử Đế nên thuộc về Tạng-giác, tức pháp Tu của thừa Thanh-văn. Thanh-văn dùng pháp Quán phân tích cái Không, xem xét các Đế, phán đoán Khổ, Tập, Diệt, Đạo để pháp hai món phiền não Kiến, Tư và chứng lý CHÂN đế vậy.

#### **Chú**

**Tử Đế:** Kinh Niết Bàn gọi là Tứ Thánh-đế, Tứ Chân-đế. \* Tử Đế có ba cách chuyển:

Một là chỉ tướng thì nói: Đây là Khổ, tánh nói bức bách. Đây là Tập; tánh nó chiêu cảm. Đây là Diệt; tánh nó chứng được. Đây là Đạo; tánh nó tu được.

Thứ hai là thuyết khuyên tu: Đây là Khổ; người nên biết. Đây là Tập người nên dứt. Đây là Diệt, người nên chứng. Đây là Đạo, người nên tu.

Thứ ba: Chuyển tác chứng: Đây là Khổ, ta đã biết. Đây là Tập, ta đã dứt. Đây là Diệt, ta đã chứng. Đây là Đạo, ta đã tu.

\* Trong Tử Đế, mỗi Đế có bốn hành-tướng, tức dùng trí lực thì thấy:

1) Hưởng về Khổ Đế: tác Quán: vô thường (các pháp Thế gian, duyên tụ ắt sanh, duyên kết ắt diệt). Khổ nơi thân tâm đều có tánh bức xúc, gây phiền não. Không tức không thể lấy đóa làm cái Cỏ của ta được. Vô ngã: một chủ thể vô thường. Tất cả chỉ là bốn hành tướng của Khổ Đế.

2) Tướng về Tập Đế: tác Quán: nhân tức Hoặc, Nghiệp hay sanh quả Khổ, như hạt giống sanh ra mầm cây. Tập Tức Hoặc, Nghiệp nhóm hợp lại thành Khổ, như ẩn mà hiện. Sanh khiến cho quả Khổ sanh, sanh nối tiếp chẳng dứt. Duyên giúp Thành quả Khổ, như đất nước giúp cho cây cối tươi tốt. Đó là bốn hành tướng của Tập Đế.

3) Hướng về Diệt Đế: tác Quán: Diệt tức dứt hết ngũ uẩn. Tịnh là làm cho ba độc dừng nghỉ. Diệu là không có mọi lỗi lầm phải lo ngại. Ly là giải thoát khỏi các tai nạn. Đó là bốn hành của Diệt Đế.

4) Hướng về Đạo Đế: tác Quán: Đạo là đường của Thánh hiền đã đi qua. Như tứ khế hợp với Chánh lý. Hành tứ tiến đến Niết Bàn. Xuất là siêng Tuất sanh tử. Tất cả là bốn hành tướng của Đạo Đế.

Cả thầy gồm mười sáu hành tướng, tác Quán thành thực như vậy thì chứng được Noãn Vị.

\* Thanh-văn quán Tứ Đế sanh tám Nhẫn, tám Trí, gọi là mười sáu Tâm vô-lậu. Hễ dứt được một Hoặc thì đã qua được hai đạo vô-gián và giải thoát.

- Đạo Vô-gián có tám Nhẫn: Về Khổ đế có Khổ pháp Trí nhẫn làm tâm thứ nhất. Khổ loại trí nhẫn làm tâm thứ ba. Về Tập đế có Tập pháp Trí nhẫn làm tâm thứ năm. Tập loại trí nhẫn làm tâm thứ bảy. Về Diệt đế có Diệt pháp Trí nhẫn làm tâm thứ chín. Diệt loại trí nhẫn làm tâm thứ mười một. Về Đạo đế có Đạo pháp Trí nhẫn làm tâm thứ mười ba. Đạo loại trí nhẫn làm tâm thứ mười lăm.

- Đạo giải thoát có tám Trí: Về Khổ đế có Khổ pháp Trí làm tâm thứ hai. Khổ loại trí làm tâm thứ tư. Về tập đế có Tập pháp Trí làm tâm thứ sáu. Tập loại trí làm tâm thứ tám. Về Diệt đế có Diệt pháp Trí làm tâm thứ mười. Diệt loại trí làm tâm thứ mười hai. Về Đạo đế có Đạo pháp Trí làm tâm thứ mười bốn. Đạo loại trí làm tâm thứ mười sáu. Mười lăm tâm trước thuộc Kiến đạo vị, tâm thứ mười sáu thuộc về Tu tập vị.

- Quán phân tích cái Không là: khi Quán, phân tích năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới. Phân tích Sắc đến chỗ hết sức nhỏ. Phân tích Tâm đến một niệm, đó là pháp quán của Tiểu thừa. Nó chẳng đồng với pháp Quán Thể Không của Đại Thừa. Bồ Tát Quán thẳng các pháp như ảo, như mộng, tức thể hiện cái Không vậy.

## **Thích**

Sao gọi là sanh diệt của Tứ Đế? Đó là Nhân duyên sanh pháp, có sanh có diệt:

1) Khổ Đế: chữ Phạn gọi là “đậu khu” nghĩa là: bức bách. Tất cả các pháp hữu vi do tâm hành, thường vì sự vô thường làm cho liên lụy phiền não mà phải chịu quả Khổ, sanh tử, trong ba cõi sáu đường. Đó là Khổ Đế.

2) Tập Đế: chữ Phạn gọi là “tam-mâu-đề-da”, nghĩa là: chiêu tụ. Tâm tương ứng với sự kết nghiệp, vì các nghiệp Thiện ác và các phiền não Tham, Sân, Si, v.v... mà chiêu tụ quả khổ, sanh tử trong ba cõi sáu đường ở đời vị lai. Đó là Tập Đế, làm nhân cho Khổ Đế.

3) Diệt Đế: chữ Phạn gọi là “ni-lâu-dà” nghĩa là: tịch diệt. Đã hết Kết nghiệp, ắt không bị khổ lụy vì sanh tử, vì các kiết sử phiền não đã diệt, nghiệp ba cõi cũng diệt, tức là hữu du Niết Bàn của Diệt Đế. Nhân diệt nên Quả diệt. Lúc bố báo thân này, khổ quả đời sau vĩnh viễn chẳng nối tiếp, gọi là nhập Vô-dư Niết Bàn. Xét kỹ Niết bàn thực là tịch diệt. Đó là Diệt Đế.

4) Đạo Đế: chữ Phạn gọi là “mạt-na” nghĩa là: Năng không, tức thông với đạo lộ Niết Bàn. Thanh-văn xét kỹ con đường của Giới, Định, Tuệ có công năng dẫn đến Niết Bàn. Đó là Đạo Đế, làm nhân cho Diệt Đế.

Theo nghĩa phiếm định mà nói, thì Đạo có chánh, có trợ. Chánh Đạo là ba mươi bảy đạo phẩm, ba môn giải thoát, duyên Lý Tuệ hành. Trợ Đạo là các pháp đối trị trong sự Quán để được giải thoát và các môn thiền định. Nếu chọn sự tóm lược thì tám Thánh đạo đã đủ.

### **Chú**

Bốn Loại Tứ Đế là:

1) **Sanh diệt Tứ Đế**: thuộc Tạng giáo, như trên đã giải thích.

2) **Vô sanh Tứ Đế**: Thuộc Thông giáo, nghĩa là những bậc lợi căn trong ba Thừa cùng pháp Quán thể Không (Quảng thắng thể của các pháp như ảo, như mộng, là phép Quán tức thể hiển Không), thể đạt các khổ của ngũ uẩn, đương thể tức Không mà như ảo, như hóa, không có tướng bức bách. Đó là Khổ Đế.

- Xét cái Nhân thực của Hoặc, Nghiệp đương thể tức Không, không có tướng hòa hiệp. Đó là Tập Đế.

- Xét cái khổ thực thực của ngũ uẩn sanh tử, xưa vốn không sanh, nay cũng không diệt. Đó là Diệt Đế.

- Xét kỹ nơi bị phá (tập) và công năng phá (đạo) đồng một chơn không, không có hai tướng. Đó là Đạo Đế.

3) **Vô lượng Tứ Đế**: thuộc Biệt giáo.

- Bồ tát xét kỹ quả báo trong mười pháp giới, chẳng đồng, các khổ của chúng sanh sanh tử, mỗi một chạng hư cho nên nói là: Khổ có vô lượng tướng.

- Bồ tát xét kỹ chúng sanh trong mười pháp giới, năm chỗ trú của Hoặc, Nghiệp, mỗi loại một khác, thực hay chiêu tụ các khổ sanh tử, nên nói rằng: Tập có vô lượng tướng.

- Bồ tát xét kỹ sáu ba-la-mật, các loại chẳng đồng có thể chứng lý Niết Bàn tịch diệt nên nói rằng: Diệt có vô lượng tướng.

- Bồ tát xét kỹ hằng hà sa số pháp môn tự lợi lợi tha, nên nói là Đạo có vô lượng tướng.

4) **Vô tác Tứ Đế**: thuộc Viên giáo.

- Bồ tát Đại thừa viên quán các pháp, sự sự tức lý, không có tạo tác, nên nói: Uẩn (tức ngũ uẩn), xứ (sáp Tứ) đều như (chân như), không có Khổ có thể bỏ; đó là Khổ Đế. Trần thể vốn thanh tịnh, phiền não tức Bồ-đề, không có tướng chiêu tập sanh tử; đó là Tập Đế. Xét kỹ tất cả các trung đạo lìa biên kiến, tà kiến không có Hoặc phiền não có thể dứt, cũng không có đạo Bồ-đề có thể tu; đó là Đạo Đế. Sanh tử, Niết Bàn, thể nguyên không hai, không có cái khổ sanh tử bức bách có thể dứt, cũng không có cái vui của Niết Bàn tịch diệt có thể chứng; đó là Diệt Đế.

\* Sáu căn làm Nhân, sáu trần làm Duyên. Căn trần đối nhau làm cho tâm khởi; đó là “nhân duyên sanh pháp.”

- Tập Đế làm Nhân cho Khổ Đế: các phiền não Hoặc, Nghiệp làm Nhân mà sanh Quả Khổ. Muốn diệt quả Khổ, nên diệt nhân khổ, cho nên Tập Đế diệt thì Khổ Đế chẳng sanh.

- Diệt Đế dùng vô ngã để đối trị phiền não của Tập Đế vì tất cả các phiền não kiết sử đều do chấp ngã mà sanh, cho nên vô ngã làm thể tướng của Diệt Đế.

### Ba Mười Bảy Đạo Phẩm

1) Tứ niệm trú (còn gọi là Tứ niệm xứ): Thân niệm trú, Thọ niệm trú, Tâm niệm trú và Pháp niệm trú.

2) Tứ chánh đoạn: (còn gọi là Tứ chánh cần): - Ác đã sanh khiến vĩnh viễn dứt; - Ác chưa sanh, khiến chẳng sanh; - Thiện đã sanh, khiến tăng trưởng; - Thiện chưa sanh, khiến sanh.

3) Tứ thần túc (còn gọi là tứ như ý túc): Dục, Cần, Tâm, Quán tam-ma-địa. Tu bốm tam ma địa này thì đoạn hành, thành tựu thần túc, dựa vào sự xa lìa không nhiễm, dựa vào sự diệt hồi tưởng xả.

4) Ngũ căn: Tín, Tinh tấn, Niệm Định, Tuệ.

5) Ngũ lực (tức năm sức): Tín, Tinh tấn, Niệm, Định, Tuệ.

6) Thất đẳng giác chi (còn gọi là Y giác-phần): Niệm đẳng giác chi, Trạch pháp đẳng giác chi, Tinh tấn đẳng giác chi, Hỷ đẳng giác chi, Khinh an đẳng giác chi, Định đẳng giác chi, Xả đẳng giác chi. Dựa vào sự xa lìa, không nhiễm, dựa vào sự diệt, hồi hướng xả.

7) Bát chánh đạo chi:

- *Chánh kiến*: dùng Tuệ vô lậu làm thể, thấy lý tứ Đế rất rõ ràng.

- *Chánh Tư duy*: dùng tâm sở vô lậu làm thể, thấy lý tứ Đế khiến cho Chân lý tăng trưởng.

- *Chánh ngữ*: dùng chân trí tu khẩu nghiệp, chẳng nói tất cả các lời phi lý, lấy giới vô lậu làm thể.

- *Chánh nghiệp*: dùng chân trí trừ mọi tà nghiệp, trú nơi thân nghiệp Thanh tịnh, lấy giới vô lậu làm thể.

- *Chánh mệnh*: thanh tịnh ba nghiệp Thân, Khẩu, Ý, lìa năm loại tà mệnh (tức năm việc Tỳ khưu chẳng làm là: giả hiện tướng khác lạ để cầu lợi dưỡng, tự nói công năng để cầu lợi dưỡng, chiếm tướng lành dữ để cầu lợi dưỡng, đại ngôn hiện uy để cầu lợi dưỡng, nói lợi động người để cầu lợi dưỡng. Đó là năm tà mệnh), lấy giới vô minh làm thể.

- *Chánh tinh tấn*: dùng cái động của Chân trí, tu đạo Niết Bàn, lấy cái động vô lậu làm thể.

- *Chánh niệm*: dùng chân trí nhớ chánh đạo, không có tà niệm, lấy niệm vô lậu làm thể.

- *Chánh định*: dùng chân trí nhập vào thiền định thanh tịnh vô lậu, lấy định vô lậu làm thể, dựa vào sự xa lìa, không nhiễm, dựa vào sự diệt hồi hương xả.

Trên đây là bảy môn, gồm có 37 pháp bồ-đề phần.

### **Ba môn Giải thoát**

Không, vô tướng, vô nguyện

- *Duyên lý*: tức là ý quán niệm chân lý (Quán niệm chân lý là nhớ quán cái biết không nương tựa.)

- *Tuệ hành*: ba hạnh của bát-nhã-ba-la-mật, trong số các chánh hạnh của lục độ vạn hạnh.

- *Các pháp đối trị*: trong sự quán để được giải thoát là: Yếm hoạn đối trị, Đoạn đối trị, Trì đối trị, Viễn phần đối trị. (Yếm hoạn đối trị là đạo gia-hạnh, tức trước khi thấy Đạo, duyên hai Đế Khổ tập, sanh tâm nhằm chán sâu đậm. Đoạn đối trị là đạo vô-gián: đối với các đạo vô giác, duyên tứ Đế để chánh đoạn phiền não. Trì đối trị là đạo giải-thoát: sau đạo vô-gián, khởi đạo giải thoát, bền duyên với tứ Đế nhiếp giữ đạo vô gián để được trạch diệt, khiến cho phiền não đã dứt sạch, chẳng khởi lại. Viễn phần đối trị là đạo Thắng tiến: sau đạo giải thoát, nhập vào đạo Thắng tiến, bền duyên với tứ Đế khiến chỗ Hoặc đã dứt được, liền chuyển sang xa lìa.)

- *Thiền Định có tám bậc*: Sơ định lự, tịnh lự bậc hai, ba, bốn, không xứ, thức xứ, vô sở hữu Tứ, phi tướng phi phi tướng xứ. Thế nào gọi là Khổ đế? Luận Du-già nói: Nghĩa là năng sanh khổ đế. (Tất cả phiền não tạp nhiễm và Nghiệp Tọa nhiễm đều gọi là Tập đế. Thế ton đi với Thắng tiến chidể hiểu Tham Ái).

### **Thế nào là Diệt Đế?**

Đó là đủ nghĩa tịch tịnh. Điều này có nghĩa là tất cả phiền não đều vĩnh viễn dứt hết. (Hết Ái, lìa Dục là để hiển Hữu-dư-y Niết Bàn, vĩnh viễn diệt Niết Bàn là để hiển Vô-dư-y Niết Bàn.) Còn Đạo Đế là sao. Đó nghĩa là năng hành ba đế.

### **Thích**

Pháp Tứ Đế này ví như thuốc chữa bệnh. Hai Đế Khổ Tập là nhân-quả thế gian, thuộc môn lưu chuyển, giống như căn bệnh. Hai đế Diệt Đạo là nhân-quả xuất thế gian thuộc môn hoàn diệt, giống như thuốc chữa bệnh. Phạm phu, nhị thừa chẳng biết bao côi hư ảo, như hóa, vôn tự không sanh, tánh tướng tịch diệt. Sanh tử Niết bàn giống như giấc mộng đem qua, trong pháp không sanh, vọng thấy sanh diệt, ngang chịu luân hồi, tử như dương diệm chẳng phải là nước, vọng tưởng có nước, tự mình làm cho mình cực nhọc.

Như lai chỉ cho họ thấy khổ để họ dứt Tập, mộ Diệt tu Đạo, vĩnh viễn chận đứng gốc Khổ. Người tu thanh-văn ham vui tịch diệt, lấy đó làm thực chứng. Bồ-tát tu Quán Bát-nhã thấy lý chân Không. Các pháp ngũ uẩn, đương thể tức không, không có pháp sanh diệt tu chứng cho nên Sanh tử tức Niết Bàn, phiền não tức Bồ-đề. Không có Khổ có thể xả, không có Tập có thể dứt, không có Diệt có thể theo đuổi, không có Đạo có thể tu chứng, vì sanh



diệt, tu chứng tự tánh là Không, cho nên nói: Vô Khổ,, Tập, Diệt, Đạo.

Mục Bốn -- **TRÍ ĐẮC**

## VÔ TRÍ, DIỆC VÔ ĐẮC

### Thích

VÔ là không có. Đó là một từ ngữ phủ định sự tồn tại của sự vật. TRÍ, tiếng Phạn là nhĩ-na, nghĩa là quyết đoán đối với sự lý. Biết tổng tướng của tất cả các pháp Thì gọi là Nhất-thiết Trí. Tổng tướng tức không tướng. Đó là trí của Thanh-văn và Bích Chi Phật. Biết các loại sai khác của đạo pháp Thì gọi là Đạo chủng trí. Đó là trí của Bồ-tát. Biết tổng tướng, biệt tướng, dạy Đạo dứt Hoặc, biết thực tướng các pháp Trong mọi pháp ở ba đời lớn nhỏ tinh thô, không có sự việc nào mà chẳng biết, dùng danh tướng văn tự, lời nói, thông đại vô ngại nên gọi là Nhất thiết chủng trí. Đó là trí của Phật. Chỉ quán nói: Phật trí chiếu Không, như chỗ thấy của Nhị thừa thì gọi là Nhất thiết trí. Phật trí chiếu Giả, như chỗ thấy của Bồ-tát thì gọi là Đạo chủng trí. Phật trí chiếu Không Giả Trung đều thấy được thực tướng thì gọi là Nhất thiết chủng trí. Bởi vậy nên nói là được ba trong một Tâm.

ĐẮC (tức được), chữ Phạn gọi là “bát-la-bát-đa”. Đây là một trong số hai mươi bốn pháp bất tương ưng hành. Nơi tất cả các pháp do nó tạo tác thành tựu.

### Chú

Kinh Đại, Tiểu thừa phân trí thành chủng loại thì rất nhiều. Nay xin lược kể:

- **Một Trí:** tức nhất thiết chủng trí (Xem *Kinh Hoa Nghiêm*.)
- **Hai Trí:** Có bảy loại:

a) Như lý trí và Như lượng trí: Chư Phật và Bồ-tát dùng trí như thực, thấy thấu triệt cái lý của thực tế. Nói diệu cực tịch tịnh, gọi là Như lý trí. Chư Phật và Bồ-tát thông đạt rốt ráo tất cả các cảnh giới như: thấy chúng sanh chạy theo lý trí thì thành sanh tử; cân nhắc lý trí thì được Niết Bàn. Đó là như lượng trí.

b) Quán sát trí và Thủ tướng trí: Dùng trí tuệ, chiếu rõ Nhơn Pháp hai không, hiển bày lý chân như, biết rõ Năng chứng, sở chứng, cá hai đều bất khả đắc. Đó là Quán sát trí. Giữ tướng pháp giới, hoặc Sự hoặc Lý, dùng trí tuệ chiếu rõ, tất khiến pháp pháp viên dung, sự lý vô ngại. Đó là Thủ tướng trí. (Xem *Hoa Nghiêm Kinh* tùy sở diễn nghĩa.)

c) Căn bản trí và Hậu đắc trí: Căn bản trí cũng gọi là Vô phân biệt trí. Trí này chẳng dựa vào Tâm, chẳng nương theo ngoại cảnh, biết rõ tất cả các pháp đều là chân như: cảnh, trí, không khác nhau, như người nhắm mắt, không phân biệt bên ngoài. Do đó mà vô phân biệt trí có thể sanh ra các loại phân biệt. Đó là căn bản trí. Dựa nơi Tâm, nương theo ngoại cảnh, phân biệt các loại, cảnh trí có khác nhau như người mở mắt, các sắc hiển hiện, vì được sau căn bản trí nên được gọi là hậu đắc trí. (Xem *Nhiếp Đại thừa Luận*.)

d) Tận trí và Vô sanh trí: Bạc A-la-hán đã dứt xong Kiến, Tư hoặc ở ba cõi, tức biết đời

mình đã hết, phạm hạnh thanh tịnh. Đó là Tận trí. Bậc A-la-hán đã dứt xong Kiến, Tư hoặc ở ba cõi, biết các mối ràng buộc đã được giải, bèn chẳng thọ sanh nơi ba cõi nữa. Đó là Vô sanh trí. (Xem Bại tập kinh.)

e) Nhất thiết trí và Đạo chủng trí: Tất cả các nội pháp nội danh, ngoại pháp ngoại danh, đều có thể biết, có thể giải. Đó là Nhất thiết trí. Tức là trí của Thanh-văn, Duyên-giác. Trí này có khả năng dùng tất cả các đạo pháp của chư Phật, pháp khởi tất cả các thiện chủng (chủng tử lành) của chúng sanh. Đó là Đạo chủng trí, tức trí của Bồ-tát vậy. (Xem Quan Âm huyền nghĩa.)

f) Chân trí và Tục trí: Trí chiếu rõ lý tánh của chân đế thì gọi là chân trí. Trí chiếu rõ sự tướng của tục đế thì gọi là tục trí. (Xem Nhiếp Đại thừa luận.)

g) Thực trí và Quyền trí: Trí đạt đến thực lý của Phật và Bồ-tát thì gọi là Thực trí. Trí thông với phương tiện tạm dùng thời nghi của Phật và Bồ-tát thì gọi là Quyền trí, còn gọi là Phương tiện trí. (Xem Duy ma cát kinh hội sớ.)

Trên đây đã mở bày sự phân biệt dựa theo phương tiện. Danh có khác nhưng sự thực vẫn đồng: lý trí như như với chân trí căn bản đều đồng một nghĩa vậy.

• **Ba trí:**

1) Trí thế gian: Phạm phu, ngoại đạo đối với tất cả các pháp, họ dấn chấp phân biệt, chẳng có thể lia hỏi thế gian. Đó là trí thế gian.

2) Trí xuất thế gian: Thanh-văn, Duyên-giác dùng Nhất thiết trí tu hành tứ Đế có thể lia khỏi thế gian. Đó là trí xuất thế gian.

3) Thượng thượng trí xuất thế gian: Phật và Bồ-tát quan sát tướng vắng lặng của tất cả các pháp, thấy chúng chẳng sanh, chẳng diệt, được Như-lai vị, vượt xa trí của Thanh-văn, Duyên-giác (Xem Kinh Lăng Già.)

Vả lại, Nhất thiết trí, Đạo chủng trí, Nhất thiết chủng trí cũng gọi là trí. (Xem Trí độ luận). Theo Luận Du-già thì nơi tất cả các sự (hữu vi, hữu tình giới), tất cả các sự (hữu vi, vô vi), tất cả các hể (tức hai sự hữu vi, vô vi, có vô lượng phẩm riêng biệt nên gọi là tất cả các phẩm, vì tự tướng xoay chuyển, chủng loại sau khác, vì cộng tướng sía khác, vì Nhân—Quả sai khác, vì giới thú sai khác, vì thiện, bất thiện, vô k1 sai khác), tất cả các thời (quá khứ, vị lai, hiện tại), vì trí chuyển vô ngại nên gọi là Nhất thiết trí. Đối với tất cả các pháp, không có trí điên đảo nên gọi là nhất thiết chủng trí của Như-lai. Quán âm huyền nghĩa nói: có thể dùng tất cả các đạo pháp của chư Phật, pháp khởi tất cả các đạo chủng của chúng sanh thì gọi là Đạo chủng trí.

**Vô phân biệt trí có ba loại:**

a) Gia hạnh vô phân biệt trí, b) Căn bản vô phân biệt trí, c) Hậu đắc vô phân biệt trí (Xem Nhiếp Đại thừa luận.)

**Bốn trí:**

Tông Duy thức chuyển tám thức phàm phu thành bốn Trí Như-lai, như sau:

1) Chuyển thức thứ tám thành Đại viên kính trí: Thức thứ tám hữu lậu đối với y-báo, chánh báo để giữ thân hữu tình thì Trí này đối Thân Độ của Như-lai để duy-trì tất cả công đức, nên gọi là Đại viên kính trí. Nói duyên sanh vô biên, chiếu sự Lý của pháp giới nên gọi là Nhất thiết chủng trí.

2) Chuyển thức thứ bảy thành Bình đẳng tánh trí: Thức thứ bảy chấp Ngã thì Trí này đạt lý Vô ngã, bình đẳng. Đối với tất cả chúng sanh, khởi vô duyên đại bi.

3) Chuyển thức thứ sáu làm Diệu quan sát trí, quan sát tướng của các pháp để bố thí thuyết pháp dứt nghi, hiện thực diệu dụng của Trí.

4) Chuyển thức thứ năm thuộc Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân làm Thành sở tác trí: Trí này thị hiện các loại thần thông biến hóa để làm lợi ích cho tất cả phàm phu và Nhị thừa. Các hóa thân, pháp độ của Như-lai và các thần thông đều là tác dụng của Trí này. (Xem Duy Thức luận). Tông này pháp chấp Thực ngã, thực Pháp để biểu thị ngoài tâm không có thực cảnh để lập bốn Trí của Bồ tát sở quán. Bốn trí này là:

a) Trương vị thức tướng trí: (Trí thấy biết tướng thức trái nhau): đồng một xứ sở mà Trớ, Người, Nga quý vì nghiệp lực riêng khác nên chỗ thấy cũng khác: Nếu cảnh thực có, tí sao có thể theo nghiệp mà tiến?

b) Vô sở duyên thức trí (Trí thấy biết Thức không có cảnh sở duyên): lúc thức nương theo cảnh quá khứ (đã mất), vị lai (chưa đến), hay mộng ảo thì các cảnh ấy đều chẳng thực có, mà trong tâm, chúng nói hiện tượng. Thức có thể tưởng ra tất cả các cảnh giới: chúng đều là do Tâm biến hiện.

c) Tự ứng vô bảo trí (Trí thấy cảnh trong Tâm tự ứng hợp với ngoại cảnh, không có điền đảo). Nếu cảnh là thực, thì tất cả phàm phu Tựa nay đã chứng ngộ cảnh ở ngoài tâm, chẳng nên giả lập công dụng mà tự nhiên thành tự. Nay đã chẳng như thế, lại có thể với các cảnh chẳng thức có đến.

d) Tùy tam trí chuyển trí (Trí chuyển theo ba trí): Một là Trí chuyển theo trí của bất tự tại: Người đã chứng được tâm tự tại, dựa vào định lực, biến cây đất thành vàng quý. Nếu cảnh thực có, sao có thể chuyển biến như vậy? Hai là Trí chuyển theo trí của Người quan sát: Người tu quán được thắng định, lúc xem một cảnh có thể khiến cho cảnh thành xanh, thành đỏ tùy tâm mà hiển hiện. Nếu cảnh thực có sao có thể như vậy được? Và thứ ba là Trí chuyển theo trí phân biệt. Chứng được Trí vô phân biệt thì tướng của mọi cảnh được Trí vô phân biệt thì tướng của mọi cảnh đều chẳng hiện tiền. Nếu cảnh có thức thì sao có thể chẳng hiện?

Bồ tát thành tựu bốn Trí Sở quán thì quyết định ngộ nhập Duy-thức, chứng biết ngoài tâm không có thực cảnh.

### **Năm trí**

Hiển giáo chuyển tám thức thành bốn Trí. Mật giáo thêm một pháp giới thể tánh trí

thành năm Trí. Trí này là do chuyên Yêm-ma-la thức mà được. Pháp giới có nghĩa là sau biệt, các pháp sai biệt, số lượng nhiều hơn các bụi nên gọi là pháp giới. Thể tánh của pháp giới, tức là sáu Đại. Đại nhật Như Lai trú ở tam muội của Pháp giới sáu Đại gọi là Pháp giới thể tánh Trí, “chủ đức phương tiện là cứu cánh, để sánh đôi với Đại Nhật Như lai. Đại viên tánh trí chủ đức phát tâm Bồ-đề thể phối (sánh) với A-súc Như-lai của phương Đông. Bình đẳng tánh trí chủ đức tu hạnh, để sánh với Bửu sanh Như lai ở phương Nam. Diệu quan sát trí chủ đức thành Bồ-đề, để sánh với A-di-đà Như-lai ở phương Tây. Thành sơ tác trí chủ đức nhập Niết Bàn để phối với Bất không thành tựu Như Lai ở phương Bắc.

Đưa vào năm trí đó mà sanh ba thân:

- Thân nghiệp của Pháp giới thể tánh trí làm Tỳ Lô Giá Na Như Lai; khẩu nghiệp làm Phổ Hiền Bồ-tát, ý nghiệp làm Bất Động Kim Cang.

- Thân nghiệp của Đại Viên Kính Trí làm A-Súc Như Lai, khẩu nghiệp làm Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát; ý nghiệp làm Hàng tam thế Kim Cang.

- Thân nghiệp của Bình đẳng tánh trí làm Bửu Sanh Như Lai, khẩu nghiệp Hư Không Tạng Bồ-tát, ý nghiệp làm Quân Trà Lợi Kim Cang.

- Thân nghiệp của Diệu Quan Sát Trí làm A-Di-Đà Như Lai, khẩu nghiệp làm Quán Tự Tại Bồ-tát, ý nghiệp làm Lục Túc Kim Cang.

- Thân nghiệp của Thành Sở Tác Trí làm Thích Ca Như Lai, hoặc Bát Không Thành Tựu Như Lai, khẩu nghiệp làm Kim Cang nghiệp Bồ-tát, ý nghiệp làm Ma-ha Dược Xoa Kim Cang. (Xem Liên Hoa Tam Muội Kinh).

**TÂM TRÍ:** Bồ-tát Đại thừa chứng Trí tứ Đế ở Dục-giới, gọi đó là Tứ Pháp Trí, chứng Trí tứ đế ở hai giới trên (Sắc Giới và Vô Sắc giới), gọi đó là Tứ loại trí, Tứ pháp, Tứ loại hiệp làm Tám Trí:

- 1) Khổ Pháp Trí: Trí chứng Chân Lý, khi đã dứt Hoặc khổ của Dục giới.
- 2) Tập Pháp Trí: Trí chứng Chân lý, khi đã dứt Hoặc Diệt của Dục giới.
- 3) Diệt Pháp Trí: Trí chứng chân lý khi đã dứt Hoặc Diệt của Dục-giới.
- 4) Đạo Pháp Trí: Trí chứng chân lý khi đã chứng Hoặc Đạo của Dục-giới.
- 5) Khổ Loại trí: Trí chứng chân lý khi đã dứt Hoặc Khổ ở hai giới trên.
- 6) Tập Loại trí: Trí chứng chân lý khi đã dứt Hoặc Tập ở hai giới trên.
- 7) Diệt Loại trí: Trí chứng chân lý khi đã dứt Hoặc Diệt ở hai giới trên.
- 8) Đạo Loại trí: Trí chứng chân lý khi đã dứt Hoặc Đạo ở hai giới trên (Xem Cập Tá luận).

### **Mười trí**

Mười Trí Đại Thừa Như Lai có đủ. Đó là:

- 1) Tam thế trí: Trí thông đạt tròn sáng đối với các pháp ba đời.
- 2) Phật pháp Trí: Trí thông đạt tất cả Phật pháp để nói pháp, độ sinh.

3) Pháp giới vô ngại trí: Trí biết tất cả chúng sanh vốn đủ cái thể của pháp giới, sự lý viên dung, chẳng chướng ngại nhau.

4) Pháp giới vô biên trí: Trí biết chúng sanh sung mãn tất cả các pháp Sắc Tâm, mà không có bờ mé.

5) Sung mãn nhất thiết thế giới trí: Trí của Như Lai từ Định khởi diệu dụng rộng lớn, đầy đủ cung khắp nơi thế gian.

6) Phổ chiếu nhất thiết thế gian trí: Như Lai có đại trí tuệ sáng suốt, chiếu khắp vô lượng thế giới.

7) Trú trì nhất thiết thế giới trí: Trí của Như Lai có đạo thần lực trú trì thế giới, nhiếp hóa tất cả chúng sanh.

8) Trí nhất thiết chúng sanh trí: Trí của Như Lai biết các nhân duyên thiện ác của tất cả chúng sanh.

9) Trí nhất thiết pháp Trí: Trí của Như Lai xưa hiện nơi vô biên thế giới của chư Phật, nói Pháp giáo hóa tất cả chúng sanh )Xem kinh Hoa Nghiêm.)

### **MƯỜI TRÍ CỦA TIỂU THỪA:**

1) Thế tục trí: Trí của tất cả phàm phu, trước khi kiến đế, vì nó tương ứng với phiền não nên gọi là Trí hữu lậu.

2) Pháp Trí: Trí chứng Khổ, Tập, Diệt, Đạo ở Dục giới.

3) Loại trí: Trí chứng Khổ, Tập, Diệt, Đạo ở hai giới trên (Sắc giới và Vô Sắc giới).

4) Khổ trí:

5) Tập Trí:

6) Diệt trí:

7) Đạo trí: Trí biết Khổ, Tập, Diệt, Đạo ở thượng giới và hạ giới.

8) Tha tâm trí: Trí biết tâm của tha nhân.

9) Tận trí: Trí tự tin mình đã dứt hết phiền não sau khi đã biết Khổ, dứt Tập, tu Đạo, chứng Diệt.

10) Vô sanh trí: Trí của bậc A-la-hán lợi căn, đối với tứ Đế đã biết biết mình tu chứng. Kiến hoặc Tư hoặc đã hết, chẳng lại phải thọ sanh nơi tam giới nữa. La-hán dộn căn đã từng thối thất, mà cần biết tu Đoạn để chứng Đạo thì không thể có đủ trí tuệ như trên (Xem Cập Tá luận).

### **Mười một trí**

Bồ tát ma ha tát của Đại thừa có mười một TRÍ:

1) Pháp Trí: Biết tướng trói buộc khác nhau của ngũ uẩn.

2) Loại trí: biết Uẩn, Giới, Xứ, và các pháp duyên khởi hoặc Tổng, hoặc Biệt đều là vô thường.

3) Thế tục trí: Biết tất cả các pháp giả thiết danh tự.

- 4) Tha tâm trí: Biết tâm, tâm sở pháp và các các tu hạnh chứng diệt của các hữu tình khác.
- 5) Khổ trí: Biết Khổ nên chẳng sanh.
- 6) Tập Trí: Biết Tập nên dứt vĩnh viễn.
- 7) Diệt trí: Biết Diệt nên tác chứng.
- 8) Đạo trí: Biết Đạo nên tu tập.
- 9) Tâm trí: Biết Tham, Sân, Si đã hết.
- 10) Vô sanh trí: Biết có thú, chẳng sanh trở lại. Mười trí vừa nêu đều dùng “vô sở đắc” làm phương tiện nên thuộc Đại thừa.
- 11) Như thực trí: Nhất thiết trí và Nhất thiết tướng trí của Như Lai (Tất cả các pháp đều không có tự tánh, không sanh, không diệt, xưa nay vắng lặng, tự Niết Bàn không có tướng sở đắc gọi là “nhất thiết tướng”. Tất cả các tướng lành đều được hiểu biết đúng đắn nên được gọi là “nhất thiết tướng diệu trí”.

### **Hai mươi trí**

Tông Thiên Thai tóm tắt bốn Giáo để làm sáng tỏ hai mươi trí như sau:

- *Tạng giáo gồm bảy trí là:* Thế trí, Ngoại phạm trí, Nội phạm trí, Tứ quả trí, Bích chi Phật trí, Bồ-tát trí và Phật trí.

- *Thông giáo có năm trí:* Tứ quả trí, Chi Phật trí, Bồ-tát trí nhập không, Bồ-tát trí xuất không và Phật trí.

- *Biệt giáo có bốn trí:* Thập Tín trí, Ba mươi tâm trí của trú hành hướng, Thập địa Đẳng giác trí và Phật quả trí.

- *Viên giáo có bốn trí:* Ngũ phẩm trí (Cương vị ngoại phạm, thứ tự cạn sâu của Viên giáo gồm có năm phẩm: Tùy hỷ phẩm, Độc tụng phẩm, Thuyết pháp phẩm, Kiêm hành lục độ phẩm, Chánh hành lục độ phẩm), Lục căn trí, Bốn mươi tâm trí của bậc trú hành hướng địa và Phật trí (Xem chuyển hạnh).

### **Bốn mươi tám trí**

Ước mười hai nhân duyên, khởi sanh 48 trí hữu lậu đối với bốn Đế.

### **Bảy mươi bảy trí**

Quán mười hai nhân duyên trong 11 chi sau, dùng ba huệ Văn, Tư, Tu để xem xét sẽ được Trí hữu lậu. Trong 11 chi ấy mỗi chi có bảy trí, cộng thành 77 trí. Bảy trí là: quán thuận nghịch hai cách qua ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai thì có cả thấy sáu trí. Sáu trí này duyên lý như thực mà biết, gọi là chơn thực trí, thuộc Tư huệ và tu huệ.

Lại theo lối Nghe dạy (Văn) mà biết (văn huệ) đạo duyên khởi của ba đời gọi là Pháp Trú Trí là trí thứ bảy thuộc Văn huệ. Sáu Chơn thực trí với một Pháp Trú trí cộng thành bảy trí. Bảy trí trong 11 chi, tổng cộng 77 trí.

ĐẮC gồm có bốn loại:

- 1) Pháp câu đắc: Sở đắc hiện tại, pháp cũng hiện tại.
- 2) Pháp Tiền đắc: pháp còn chưa đến, mà đắc sanh ra trước.
- 3) Pháp hậu đắc pháp: đã qua rồi, Đắc còn hiện tại.
- 4) Phi tiến hậu câu đắc: Không kể quá khứ, hiện tại hay vị lai. Đây tức là cái Đắc của Trạch diệt Phi trạch diệt. Ba loại trước thuộc pháp hữu vi. Loại sau thuộc pháp vô vi.

### **Thích**

TRÍ tức là cái Biết Năng-quán. ĐẮC tức là cái Lý Sở chứng. VÔ TRÍ ắt Năng quán biết Không. VÔ ĐẮC ắt Sở chứng là cảnh Không. Cảnh chẳng phải là Trí nên chẳng biết. Trí chẳng phải là Cảnh nên chẳng sanh. Ngoại cảnh Như như, nội trí lặng lặng. Không có cái Như nào ngoài Trí năng chứng, cũng không có cái Trí nào ngoài như Sở chứng. Như, Trí đều sâu kín. TRÍ, ĐẮC đồng là Không. VÔ ĐẮC ắt không có tướng Không. VÔ TRÍ thì không có sự biết tướng không. Không có tướng Không thì đó là cái Không của thực tướng. Không biết tướng Không thì không có sự quán chiếu.

Vậy là các pháp Uẩn, Xứ, Giới, Duyên, Đế đều không, tức là Năng chứng, Sở chứng của Người trong ba thừa và Bồ-tát tu bát-nhã với bát-nhã được tu cũng không, nghĩa là Trí chứng Không và Lý Không do Trí chứng cũng đều Không, bởi vì pháp Tánh vốn Không. Bởi vì các pháp Uẩn, Xứ, Giới, Duyên, Đế là Không (đó là cái Sở Không) cho nên cái Năng chứng các pháp xưa nay là cái Không của Trí-tuệ Bát-nhã cũng Không [Vì Sở không nên Năng không].

Vì cái Trí-tuệ Bát-nhã này là Không cho nên cái thực tướng Chơn không do Trí tuệ quán chiếu Bát-nhã sở đắc cũng không [Vì Năng không, nên Sở cũng không]. Một vật chẳng liên quan thì muôn duyên đều hết. Đó mới là chơn Bát-nhã. Bởi vậy, kinh Kim Cang nói: Phật thuyết Bát-nhã ba-la-mật tức chẳng phải Bát-nhã-ba-la-mật. Kinh Đại Bát-nhã nói: Thiện nam tử, thiện nữ nhơn các người lúc tu Bát-nhã hãy nhớ như vậy: Ta Năng tu tuệ, người là cảnh tuệ, quả Bát-nhã này là tự tánh Bát-nhã.

Lúc người tu tuệ thì gọi là trú Bát-nhã thì chẳng gọi là Bát-nhã-ba-la-mật-đa, vì có sở đắc làm phương tiện. Nếu lúc Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã mà chẳng được tuệ, cảnh tuệ, quả tuệ, tự tánh Bát-nhã vì không có sở-đắc làm phương tiện thì có thể tự đủ Bát-nhã ba-la-mật-đa. Lại nói: Như vậy, Bát-nhã ba-la-mật-đa lấy hư không làm tướng, lấy vô trước (không đắm nhiễm) làm tướng, lấy vô tướng làm tướng. Vì sao vậy? Tại vì trong tướng Bát-nhã ba-la-mật-đa rất sâu kín, thì các tướng của các pháp đều bất khả đắc, vì không có sở hữu.

Đức Phật dạy: Này Thiện-hiện! Các thiện nam tử, thiện nữ nhơn các người, trú Bồ-tát thừa, như có phương tiện thiện xảo, thì dùng vô sở đắc làm phương tiện: nơi tên Bát-nhã ba-la-mật-đa này chẳng giữ danh tướng, chẳng khởi say đắm, chẳng sanh kiêu mạn bèn có thể chứng được thực tướng Bát-nhã. Lại nói: Tuy đạt tự tánh của tất cả các pháp đều không, nhưng chư Bồ-tát, nhân Bát-nhã ba-la-mật-đa này, chứng được vô thượng chánh đẳng Bồ-đề, chuyển bánh xe diệu pháp, độ vô lượng chúng sanh; tuy chứng Bồ-đề mà không có chỗ chứng, vì các pháp chứng, chẳng chứng đều bất khả đắc. Chỉ là “bất khác đắc” tức không có

các vọng tri kiến (sự thấy biết sai quấy) “năng kiến, sở kiến”.

Do không có vọng kiến nên không có phiền não điên đảo. Nếu có Sở-chứng tức là điên đảo mộng tưởng, há được Bồ-đề Niết Bàn sao? Luận Trí Độ nói: “Vì Bồ-tát thâm nhập không, biết Không cũng không, Niết Bàn cũng không, cho nên không có Sở chứng. Ví các pháp “chứng, chẳng chứng” đều bất khả đắc.

Bắt đầu từ ngũ uẩn cuối cùng đến Tứ Đế là cảnh của người tu Đạo xem xét, mà cảnh thì chẳng có thể tự không, nhân vì chân trí quán chiếu thấy Không, đến tướng Không đã hiện thì cái lý Không cũng Không, Kinh Lăng Nghiêm nói: “Giác, Sở Giác: Không; không, Sở-không: diệt, Bát-nhã như nhóm lửa lớn, không kể sạch dơ nơi nào chạm đến nói đều đốt cháy: Láy chân không hiển thì phàm tình bị dẹp hết; Thánh cảnh Chân như thì tất cả Trái đều bất khả đắc. Bởi thế, Uẩn, Xứ, Giới của thế gian; Nhân duyên, các Đế xuất thế gian; cho đến Trí Năng chứng, Đắc Sở chứng, không có gì chẳng đều Không, Nhơn, Pháp đều quên, Cảnh, Trí đều mất. Bệnh hết, thuốc không còn dùng đến, cho nên nói: **VÔ TRÍ, DIỆC VÔ ĐẮC**.”

Kinh Đại Bát-nhã nói: “Tự tánh của tất cả các pháp đều Khkhông, vì Năng thủ, Sở thủ: bất khả đắc, không có chỗ nắm giữ, nơi tất cả các pháp mới có thể từ bờ bên này đến bờ bên kia. Nếu đối với các pháp còn có một chút nắm giữ thì bờ bên kia chẳng phải là nơi đến được. Lại nói: trí thấy quá khứ, vị lai, hiện tại không nắm, không buộc, cũng không có giải thoát.

Tại sao vậy? Tại vì tất cả các pháp nắm chẳng có thể được; buộc chẳng có thể được. Nắm buộc đã không thì từ đó giải thoát cũng bất khả đắc. Chỉ có **VÔ TRÍ, VÔ ĐẮC** chứ chẳng “phải là: Trí diệt, thân như tro tàn.” Chữ **VÔ** ở đây chỉ là để phá cái chấp Thực có của hai Thủ chứ không có nghĩa là Chân trí, Thánh cảnh. Hết thấy đều Không.

Liên Hiền dương Thánh Giáo nói: Vô sở đắc là: tìm cầu các pháp, chẳng thấy tự tánh, chẳng phải tất cả các loại đều “vô sở đắc”. Tinh mại Tâm kinh sơ nói: Xưa nay, vì phá các Biến kế sở chấp đối với Uẩn, Xứ nên mượn Không để xua đuổi nó đi vì sợ rằng người tu lấy cái Không làm cảnh chứng đắc rốt ráo cho nên muốn xua đuổi nó đi.

Rõ ràng cái Không này cũng chẳng phải là cảnh chứng đắc. Kinh Hoa Nghiêm nói: Trong Không, không có hai. Hai Không lại cũng không. Bởi vì dùng Không để đuổi Không thì Không Không cũng theo dấu ấy. Sự xua đuổi lại một lần nữa bị xua đuổi đến không có sự xua đuổi, cho đến sự không xua đuổi cũng Không mới là đệ nhất nghĩa Không. Trung quán luận nói: “Bậc Đại thánh nói pháp Không vì xa lìa các Tướng. Nếu lại thấy nơi Không thì đó là điều mà chư Phật chẳng giữ.”

Tại sao vậy? Tại vì: Bởi có bệnh nên mượn Không để trừ bệnh. Bệnh đã trừ rồi cái Không cũng chẳng cần đến. Pháp Tạng Tâm kinh lược sơ nói: Biết Trí không là bất khả đắc nên nói là **VÔ TRÍ**. Lý Không được biết cũng bất khả đắc nên nói là **VÔ ĐẮC**. Bởi vậy, Sở thủ chẳng có, Năng thủ cũng không. Trí của **VÔ TRÍ** mới là chơn trí. Đắc của **VÔ ĐẮC** mới là chân đắc.



## Chú

**PHƯƠNG TIỆN:** Phương là phương pháp. Tiện là tiện dụng. Vậy phương tiện là phương pháp Tiện dụng, hợp với căn cơ của tất cả chúng sanh. Phương còn có nghĩa là phương chính. Tiện là từ xảo diệu Vãng sanh luận nói: Chánh trực gọi là phương. Ngoài mình gọi tiện. Bát-nhã là tên Tuệ của sự đạt đến Chân Như. Phương tiện là tên Trí của sự thông quyền. Bạt như thì tâm hành tịch diệt. Thông quyền ắt đủ để làm cho chứng cơ tỉnh ngộ. Phương tiện là tên của thiện xảo nên thường được gọi là Phương tiện thiện xảo.

\* Chân Lý của Thế Vô Tướng: Trong tâm không có chỗ đấm cháp, không có chỗ phân biệt thì gọi là “vô sở đắc”. Tức là TUỆ KHÔNG, tức là Vô Phân Biệt Trí.

\* Danh Tướng: Mọi sự vật đều có danh, có tướng. Cái mà Tai có thể nghe gọi là Danh. Cái mà Mắt có thể thấy gọi là Tướng. Hai cái này đều là hư giả, chẳng hợp với thực tánh của các pháp. Phàm phu thường phân biệt theo danh tướng hư giả mà khởi các loại vọng tưởng.

\* Sở thủ là việc của Thủ: Năng thủ là các sắc Căn và Tâm, Tâm sở. Quan sát sở thủ để xả cảnh giới đấm cháp của Ngã. Quan sát Năng thủ để bỏ sự thọ dụng đấm cháp do Ngã chủ trì. Năng thủ có bốn:

- 1) Ba căn Mắt, Tai, Ý chẳng đến Năng thủ.
- 2) Các căn còn lại đến Năng thủ.
- 3) Các điều do năm căn sanh, mỗi cảnh giới Năng thủ có tự tướng hiện tại riêng.
- 4) Các điều do căn thứ sáu sanh và do sự hòa hợp các thức sanh ra, tức là tự tướng, cộng tướng của mọi lúc và mọi cảnh giới năng thủ.

Tại sao giả lập Tánh Năng thủ? Tại vì các pháp không có tác dụng; các thức đều do các duyên hòa hợp mà sanh. Do đó, giả lập Năng thủ để thấy Nó chẳng có nghĩa chân thực.

\* Kinh Đại Bát-nhã nói: “Đấm buộc” là đối với pháp Tánh, phàm phu chấp nói có sự ràng buộc khiến mình say đắm. Nay pháp Tánh đã là Không nên không có thể nói rằng nó ràng buộc và làm cho ta say đắm. “Giải Thoát” là nói: thoát khỏi sự ràng buộc, sự say đắm. Nay hai điều này đã không có nên sự giải thoát cũng không có. Không có giải thoát là các pháp đều không thể được tính giải thoát. Nói “không có đấm” là đấm không thể được, vì sự đấm không có tánh đấm (vô trước).

Trong sự việc này Năng trước, Sở trước đều do đó làm đó, nhân đó thuộc đó. Năng sở đều bất khả đắc nên gọi là Vô trước. Nói “vô trước” (không có sự ràng buộc) vì phước không thể được. Phước không có tánh phước. Phước không có tự tánh nên nói là Vô phước. Trong sự việc này, Ngãng phước, sở phước do đó làm đó, nhân đó thuộc đó đều bất khả đắc nên gọi là Vô phước. Nếu nơi các pháp không có sự say đắm, không có sự ràng buộc thì tại sao nơi các pháp Tại có thể nói có sự giải thoát? Không đấm không buộc thì cũng không có sự giải thoát (khỏi sự đấm buộc). Là sự ràng buộc được trong sạch mát mẻ (thanh lương) thì gọi là Chân giải thoát. Nếu đối với các pháp mà không có sự đấm cháp Thì không bị ràng

buộc. Nếu đối với các pháp mà không bị ràng buộc thì không có sự giải thoát. Xa lìa ba sự (đắm chấp, ràng buộc, giải thoát) được thanh lương thì gọi là Chân giải thoát. Như vậy Bồ-tát ngộ nhập các pháp, không đắm, không buộc, cũng không giải thoát thì được Chân tri kiến.

Tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nếu chư Bồ-tát có thể hành được như vậy thì gần đến vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, mau được chứng đắc “Nhất Thiết trí” trí (Hoa Nghiêm số sao nói: Nhất thiết Trí là Căn-bản trí. Căn-bản trí gọi là Tri. Hậu đắc trí gọi là Kiến.)

Lại nói: Nhất thiết trí trí của chư Phật sở đắc đều từ Bát-nhã ba-la-mật mà được, cho nên Nhất thiết trí trí chẳng khác với Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng khác Nhất thiết trí trí.

